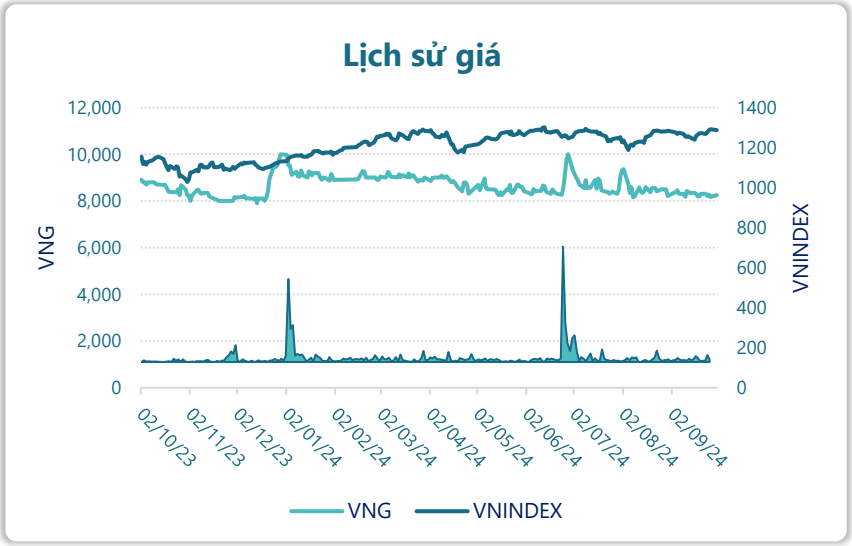
CTCP Du lịch Thành Thành Công (HSX: VNG)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,250**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,900
SL cổ phiếu LH	97,276,608
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,550
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	803
P/E	-20.4
EPS	-405

DT thuần

Q3/24

185

tỷ VNĐ

QoQ: ▼33.0| -14.9%

YoY: ▼23.0| -10.9%

LN sau thuế

Q3/24

-41.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼88.0| -190%

YoY: ▼43.0| -3256%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

1.1%

+/- YoY: ▼ 21.1%

DT thuần

9T 2024

563

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 49.0| 9.6%

LN sau thuế

9T 2024

-40.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼43.1| -1776%

ROE

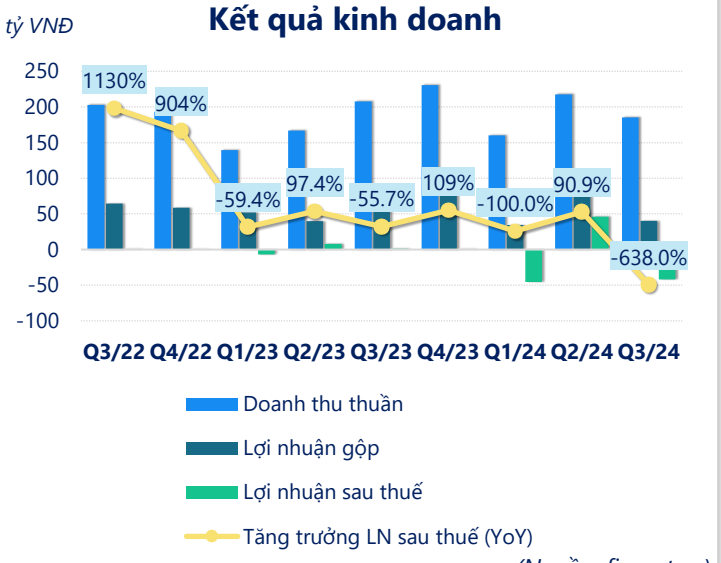
Q3/24

-3.6%

+/- YoY: ▼ 3.8%

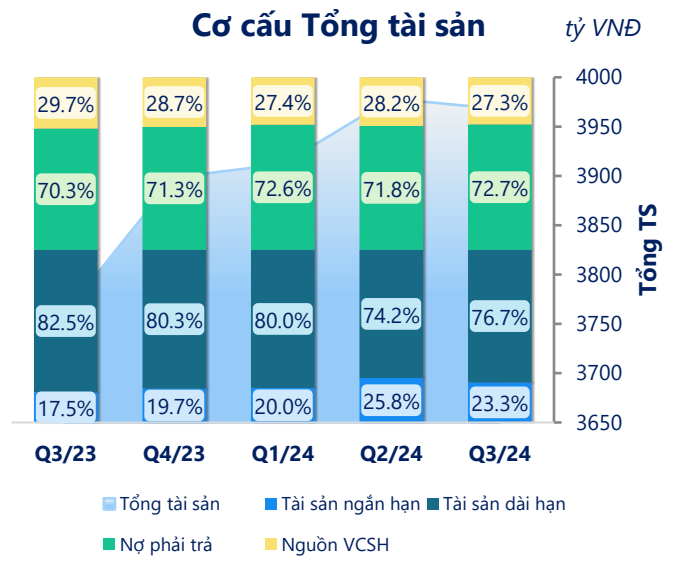
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



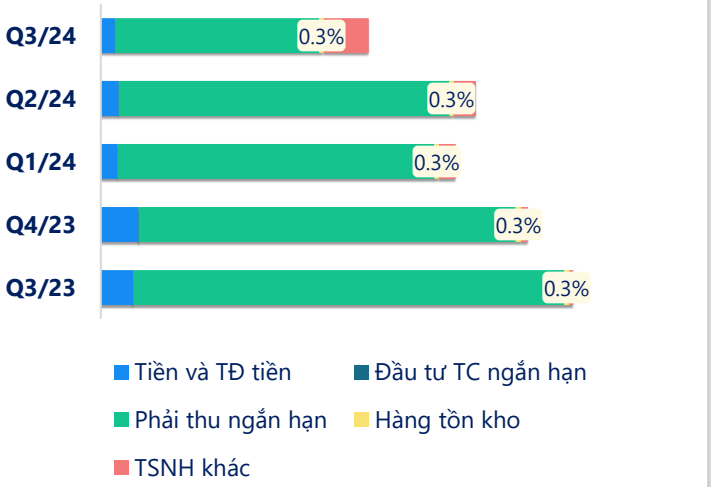
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



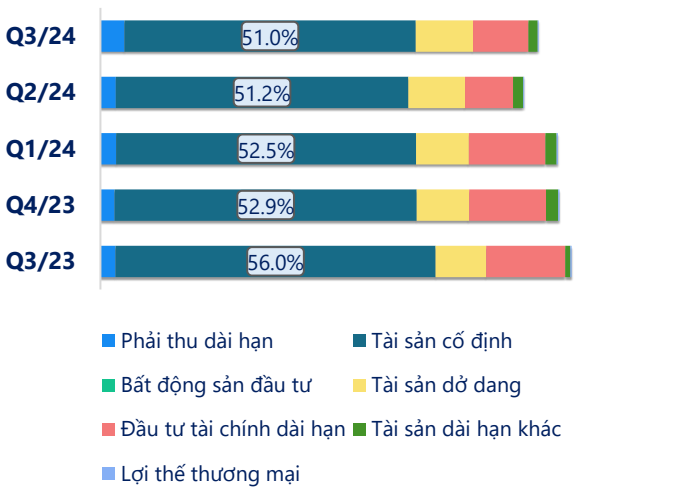
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



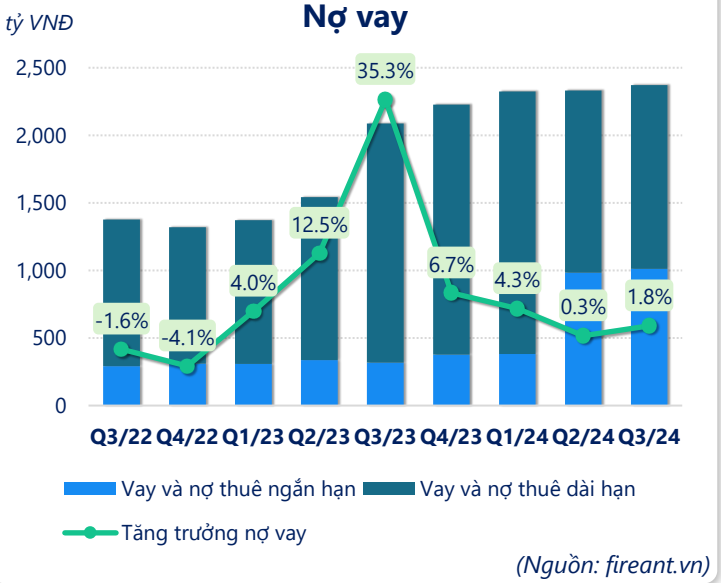
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



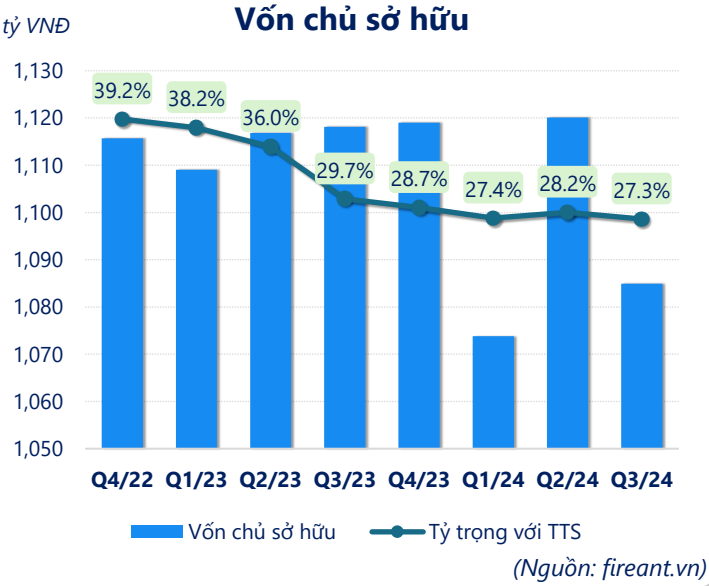
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



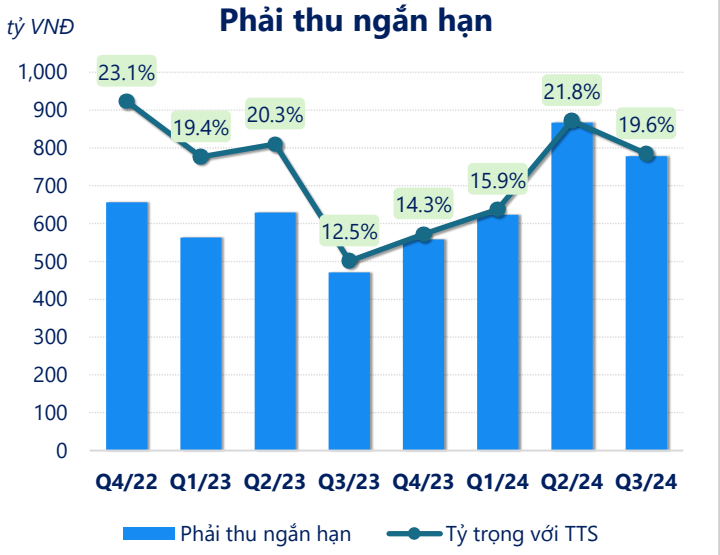
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



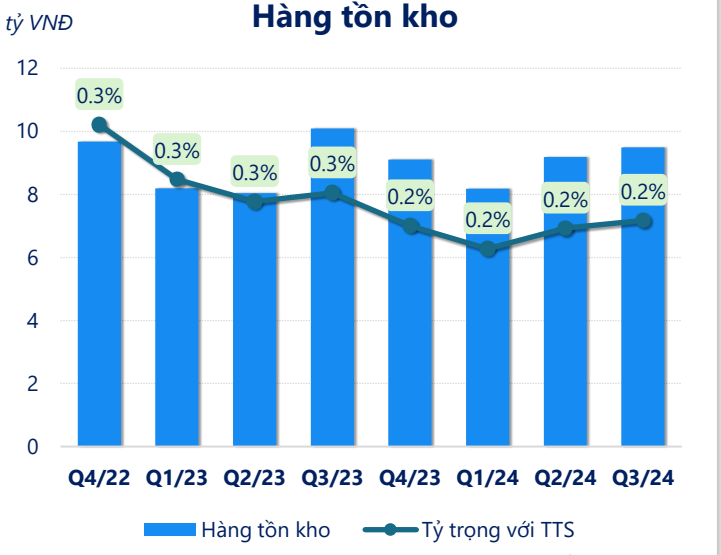
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



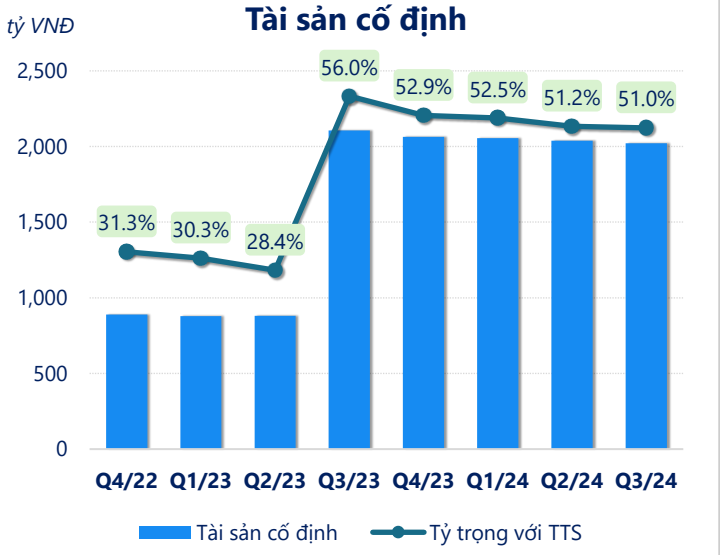
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



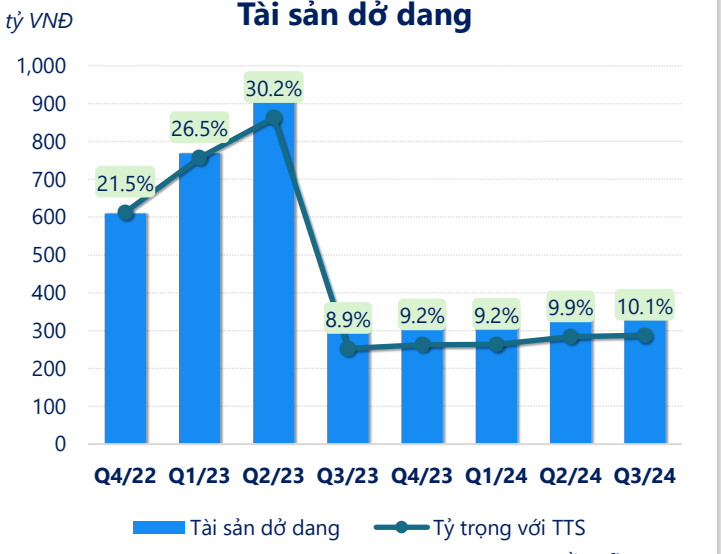
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



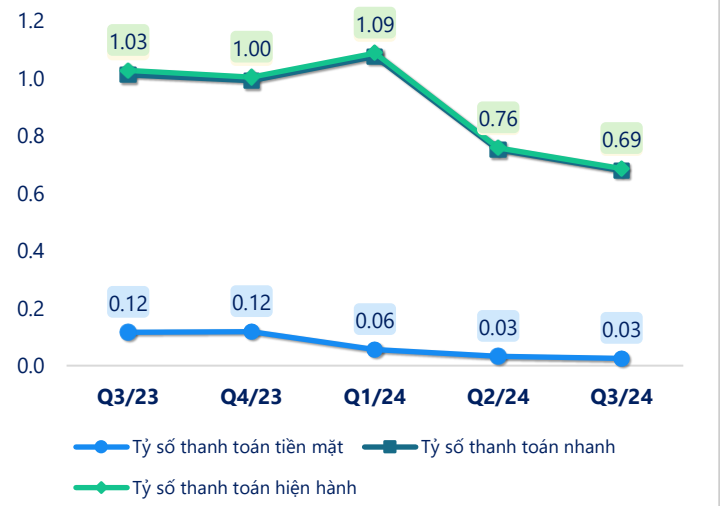
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



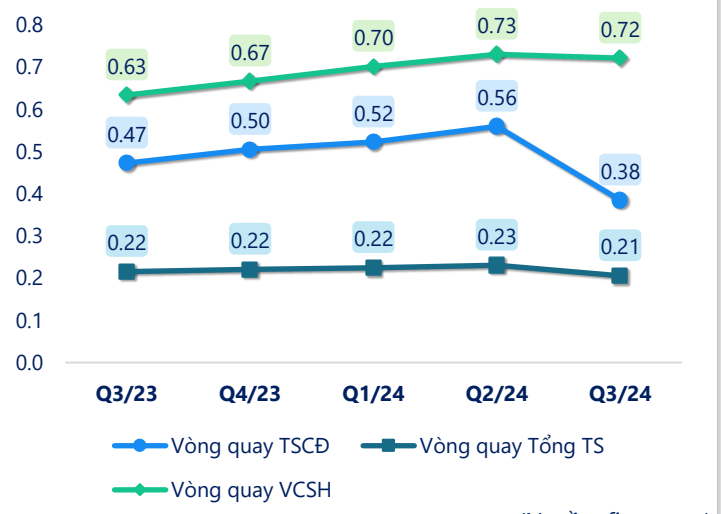
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**3,761**	**3,899**	**3,912**	**3,978**	**3,968**
Tài sản ngắn hạn	**659**	**767**	**781**	**1,027**	**924**
Tiền và tương đương tiền	74.3	90.3	40.0	43.3	33.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	12.0	12.0	15.0	12.0
Phải thu ngắn hạn	471	558	624	867	778
Hàng tồn kho	10.1	9.10	8.18	9.19	9.49
Tài sản ngắn hạn khác	104	97.5	97.2	91.8	90.5
Tài sản dài hạn	**3,102**	**3,131**	**3,131**	**2,952**	**3,044**
Phải thu dài hạn	99.6	95.6	107	106	166
Tài sản cố định	2,106	2,063	2,054	2,038	2,022
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	333	358	361	395	400
Đầu tư tài chính dài hạn	522	523	524	334	383
Tài sản dài hạn khác	32.6	82.8	76.5	70.9	65.4
Lợi thế thương mại	9.29	8.80	8.32	7.83	7.34
Nợ phải trả	**2,643**	**2,780**	**2,838**	**2,858**	**2,883**
Nợ ngắn hạn	**642**	**764**	**718**	**1,355**	**1,348**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	318	376	382	984	1,011
Phải trả người bán ngắn hạn	95.5	158	97.3	121	124
Nợ dài hạn	2,001	2,015	2,120	1,504	1,535
Vay và nợ thuê dài hạn	1,769	1,851	1,941	1,347	1,361
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,118**	**1,119**	**1,074**	**1,120**	**1,085**
Vốn chủ sở hữu	**1,118**	**1,119**	**1,074**	**1,120**	**1,085**
Vốn điều lệ	973	973	973	973	973
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)